

Ngày 21 tháng 8 năm 2018

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ SƠN, TỈNH NGHỆ AN

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Hữu Lộc**

Ông Vũ Bá Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông **Già Bá Lầu**; Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn,

- Đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên

Ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ

Sinh ngày 04 tháng 10 năm 1998 tại xã CL, huyện KS, tỉnh Nghệ An;

Nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ văn hóa: lớp 07/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam;

giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn K và bà Vi Thị H; vợ, con: chưa

Sinh ngày 06 tháng 5 năm 1994 tại xã CL, huyện KS, tỉnh Nghệ An;

Nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ văn hóa: lớp 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam;

giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lữ Văn Q và bà Nguyễn Thị T; vợ, con:

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Vi Văn K; Sinh năm 1969; Trú

- *Người làm chứng*: Chị Lương Hương G; Sinh năm 1994; Trú tại: Bản X, xã CL, huyện KS, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo cáo trạng số 81/CT-VKS-HS ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ an thì các bị cáo Vi Văn Đ và Lữ Gia D đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và bị truy tố theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Vi Văn Đ, Lữ Gia D đều đã thừa nhận có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với các tình tiết đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu, cụ thể là: Vào khoảng 11 giờ ngày 01/6/2018, Vi Văn Đ rủ Lữ Gia D đi mua ma túy thì được Lữ Gia D đồng ý. Vi Văn Đ lấy xe máy của gia đình chở Lữ Gia D đi vào bản Đưa, xã Lượng Minh, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, đến nơi Vi Văn Đ và Lữ Gia D gặp một người đàn ông không quen biết, tại đây Vi Văn Đ đã hỏi và mua của người đàn ông đó 01 (Một) cục hêrôin với số tiền 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng, mua xong Vi Văn Đ và Lữ Gia D lấy một ít ra sử dụng, số còn lại Vi Văn Đ cầm trên tay rồi ngồi sau xe để Lữ Gia D điều khiển chở về. Khi cả hai về đến khu vực bản Xiêng Thù, xã Chiêu Lưu, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An thì bị tổ công tác Công an huyện Kỳ Sơn phát hiện yêu cầu dừng xe để kiểm tra, Lữ Gia D không chấp hành mà tăng ga bỏ chạy, còn Vi Văn Đ bị bắt giữ thu toàn bộ số hêrôin gói trong bao potylen màu xanh. Đến ngày 03/6/2018 thì Lữ Gia D ra đầu thú.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong lại vào hồi 16 giờ 35 phút ngày 02/6/2018 đã xác định: Số chất màu trắng (Nghỉ là hêrôin) thu giữ của Vi Văn Đ và Lữ Gia D có khối lượng 01 (Một) gam. Tại kết luận giám định số 737/KL- PC54(MT) ngày 08/6/2018 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Nghệ An đã kết luận: Mẫu chất màu trắng ghi thu của Vi Văn Đ và Lữ Gia D gửi tới giám định là ma túy (Hêrôin).

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để tuyên bố các bị cáo Vi Văn Đ và Lữ Gia D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Vi Văn Đ mức án từ 18 (Mười tám) đến 20 (Hai mươi) tháng tù, xử phạt bị cáo Lữ Gia D mức án từ 15 (Mười lăm) đến 18 (Mười tám) tháng tù, đề nghị miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội

dung bản Cáo trạng đã truy tố, các bị cáo nhận tội và mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo Vi Văn Đ và Lữ Gia D tại phiên tòa hôm nay cơ bản phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các chứng cứ tài liệu khác có tại hồ sơ, như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 01/6/2018, tại bản khu vực bản Xiêng thù, xã Chiêu Lưu, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, các bị cáo Vi Văn Đ và Lữ Gia D đã có hành vi cất giấu, tàng trữ 01 (Một) gam hêrôin với mục đích là để sử dụng. Vì vậy, hành vi đó của các bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; Nhân thân người phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước đối với các loại chất gây nghiện, gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội. Khi phạm tội các bị cáo cũng nhận thức được ma túy là chất Nhà nước cấm, vì ma túy gây tác hại xấu đến đời sống kinh tế xã hội, sức khỏe của con người và cũng là mầm mống phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác nhưng các bị cáo vẫn bất chấp pháp luật tàng trữ trái phép làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó cần tuyên phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện và nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, có như vậy mới đủ điều kiện để cải tạo giáo dục riêng các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Đây là vụ án có đồng phạm vì vậy cần xem xét đến tính chất, vai trò của từng bị cáo để lên cho mỗi bị cáo mức án phù hợp với hành vi của mình nhằm cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Vi Văn Đ là người đã rủ rê, lôi kéo và dùng xe máy của gia đình chở Lữ Gia D đi mua ma túy nên giữ vai trò chính và phải chịu mức án cao hơn. Đối với bị cáo Lữ Gia D là người bị rủ rê, lôi kéo nhưng sau khi bị rủ rê thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực nên phải chịu trách nhiệm cho hành vi mà mình gây ra. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng thấy, các bị cáo phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3] Hình phạt bổ sung: Thấy rằng các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[4] Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Vi Văn Đ và Lữ Gia D, trong quá trình điều tra chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào có kết quả sẽ được xử lý.

[5] Vật chứng vụ án: 01 (Một) chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, BKS:37D1-014.09 mà Vi Văn Đ và Lữ Gia D sử dụng làm phương tiện để đi mua ma túy, quá trình điều tra đã chứng minh được đó là xe của ông Vi Văn K, trú tại bản KN, xã CL, huyện KS, tỉnh Nghệ An (là bố của bị cáo Vi Văn Đ), ông K không biết việc Vi Văn Đ và Lữ Gia D sử dụng xe để đi mua ma túy nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật. Đối với số ma túy heroin đã thu giữ của các bị cáo, sau khi trích mẫu gửi đi giám định thì số còn lại là 0,9 (Không phải chín) gam là vật Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Các bị cáo không có ý kiến gì khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Điều tra viên; Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố các bị cáo Vi Văn Đ và Lữ Gia D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt bị cáo Vi Văn Đ 19 (Mười chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 01/6/2018).

- Xử phạt bị cáo Lữ Gia D 16 (Mười sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 03/6/2018).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu để tiêu hủy 01 (Một) bao bì thư bưu điện được dán kín, ở mép dán có đầy đủ chữ ký của Hội đồng tham gia niêm phong và Vi Văn Đ và Lữ Gia D, bên trong chứa 0,9 (Không phải chín) gam heroin thu giữ của các bị cáo. Vật chứng đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng hồi 08 giờ 10 phút ngày 17/7/2018.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1

Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Vi Văn Đ và Lữ Gia D mỗi người phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên bố các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/8/2018), người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/8/2018)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Kỳ Sơn;
- Công an huyện Kỳ Sơn;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Sơn;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hữu Lộc

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào

hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)